

Số: 20/2025/QĐST-DS

Hưng Yên, ngày 03 tháng 11 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào điều 212 và điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 27 tháng 10 năm 2025 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 27/2025/TLST-DS ngày 28 tháng 05 năm 2025, về việc “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng”.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

I. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP V (V1).**

Địa chỉ trụ sở: Số H L, phường L, quận Đ, Thành phố Hà Nội.

* *Người đại diện theo pháp luật:* Ông **Ngô Chí D**, Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng Quản trị V1.

* *Người đại diện theo ủy quyền:* Ông **Vũ Ngọc Q**, Chức vụ: Trưởng phòng xử lý nợ - Trung tâm T1 và xử lý nợ pháp lý – Khối thu hồi và xử lý nợ.

* Người được ủy quyền lại:

+ Ông **Quách Đức T**, Chức vụ: Trưởng bộ phận Xử lý nợ.

+ Ông **Phạm Văn K**, Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ.

Địa chỉ: Tầng C VPBank K, số B H, phường T, tỉnh Hưng Yên (trước là Tầng 3 V1, số B H, phường L, thành phố T).

- Bị đơn: Ông **Đỗ Công D1**, sinh năm 1973 và bà **Trần Thị O**, sinh năm 1978; Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, tỉnh Hưng Yên (trước là thôn Đ, xã V, huyện V, tỉnh Thái Bình).

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Buộc ông Đỗ Công D1 và bà Trần Thị O phải trả cho V1 tổng số tiền tính đến ngày 27/10/2025:

Hợp đồng cho vay số LN2310250673900 ký ngày 02/11/2023 (tương ứng với số LD2330701295 trong bảng tổng hợp dư nợ) là 536,449,427 đồng (trong đó: nợ gốc là 220,714,000 đồng; nợ lãi là 298,552,299 đồng; nợ lãi chậm trả 17,183,127 đồng).

Hợp đồng cho vay số LN2305159162166 ký ngày 17/05/2023 (tương ứng với số LD2313800667 trong bảng tổng hợp dư nợ) là 381,809,489 đồng (trong đó: nợ gốc là 341,195,634 đồng; nợ lãi là 38,578,750 đồng; nợ lãi chậm trả 2,042,105 đồng).

Hợp đồng cho vay số LN2407093148573 ký ngày 11/07/2024 (tương ứng với số LD2419802074 trong bảng tổng hợp dư nợ) là 1,445,416,745 đồng (trong đó: nợ gốc là 1,292,003,000 đồng; nợ lãi là 145,472,990 đồng; nợ lãi chậm trả 7,940,754 đồng).

Hợp đồng cho vay số LN2206166011762 ký ngày 29/06/2022 (tương ứng với số LD2218001789 trong bảng tổng hợp dư nợ) là 601,683,919 đồng (trong đó: nợ gốc là 543,750,000 đồng; nợ lãi là 55,070,100 đồng; nợ lãi chậm trả 2,863,819 đồng).

Hợp đồng cho vay số LN2307119689076 ký ngày 12/07/2023 (tương ứng với số LD2319401983 trong bảng tổng hợp dư nợ) là 351,400,642 đồng (trong đó: nợ gốc là 279,127,842 đồng; nợ lãi là 68,447,285 đồng; nợ lãi chậm trả 3,825,515 đồng).

Hợp đồng cho vay số LN2306019335026 ký ngày 06/06/2023 (tương ứng với số LD2316100459 trong bảng tổng hợp dư nợ) là 150,787,629 đồng (trong đó: nợ gốc là 0 đồng; nợ lãi là 140,657,247 đồng; nợ lãi chậm trả 10,130,382 đồng).

Tổng tiền của các hợp đồng là: 3,508,168,706 đồng trong đó (Gốc phải trả: 2,717,404,331, L phải trả: 746,778,672, Lãi chậm trả lãi: 43,985,702) và toàn bộ

lãi phát sinh kể từ ngày 28/10/2025 đến ngày thực tế trả hết nợ cho V1 theo đúng mức lãi suất thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng. Thời gian trả nợ trong vòng 02 tháng kể từ ngày ký hòa giải thành (ngày 27/10/2025)

Kể từ ngày Bản án/Quyết định có hiệu lực pháp luật mà ông Đỗ Công D1 và

bà Trần Thị O không trả nợ đầy đủ cho V1, V1 có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi khoản nợ cho V1, cụ thể bao gồm:

Tài sản 1: 1 chiếc xe ô tô nhãn hiệu HYUNDAI, TUCSON 2.0 dầu đặc biệt, 2.0L, AT máy dầu , biển số đăng ký: 17A-302.33 có số khung RLUSD81CBNN003628, số máy D4HDNH726544; chi tiết hợp đồng thế chấp LN2206166011762 ký ngày 29/06/2022;

Tài sản 2: 1 chiếc xe nhãn hiệu MITSUBISHI, biển số đăng ký: 17C-177.73, có số khung MMBJLKL10PH006376, số máy 4N15UJH9396; chi tiết hợp đồng thế chấp LN2307119689076 ký ngày 17/05/2023;

02 tài sản trên thuộc quyền sở hữu của ông Đỗ Công D1 và bà Trần Thị O. Tất cả các phụ tùng, thiết bị, vật phụ,...được lắp thêm, thay thế vào tài sản thế chấp cũng thuộc tài sản thế chấp.

- Ông D1, bà O có nghĩa vụ thanh toán cho V1 toàn bộ lãi phát sinh kể từ ngày 28/10/2025 đến ngày tất toán khoản nợ cho V1.

Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản đảm bảo nêu trên không đủ thanh toán hết nợ thì ông Đỗ Công D1 và bà Trần Thị O vẫn phải có nghĩa vụ tiếp tục trả hết khoản nợ cho Ngân hàng TMCP V, V1 có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xác minh, kê biên, phát mại các tài sản khác thuộc quyền sở hữu của ông Đỗ Công D1 và bà Trần Thị O để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho V1 đến ngày thực tế trả hết khoản nợ, nếu số tiền còn thừa thì ông D1, bà O được nhận lại.

- Về án phí: Ông Đỗ Công D1 và bà Trần Thị O tự nguyện chịu cả 51.081.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho Ngân hàng TMCP V (V1) số tiền 80.500.000 đồng (*Tám mươi triệu năm trăm ngàn đồng*) đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai số 0000553 ngày 27/05/2025 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình (nay là Phòng Thi hành án Dân sự khu vực 5, tỉnh Hưng Yên).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND khu vực 5 – Hưng Yên;
- Phòng Thi hành án Dân sự KV 5, tỉnh Hưng Yên;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Xuân Huyền